

Hoà Thành, ngày tháng 9 năm 2023

TÀI LIỆU
TRIỂN KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2023-2024
(Triển khai đến giáo viên)

I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT THI ĐUA-KHEN THƯỞNG 2022:

Luật thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV có những điểm mới cụ thể như sau:

Thứ 1. Bổ sung tại Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài.

Thứ 2. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 làm rõ thêm một số khái niệm tại Điều 3. Giải thích từ ngữ, Cụ thể gồm:

1. Thi đua là hoạt động có tổ chức do người có thẩm quyền phát động với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

2. Danh hiệu thi đua là hình thức ghi nhận, biểu dương, tôn vinh và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích trong thi đua.

3. Khen thưởng là việc ghi nhận, biểu dương, tôn vinh và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Sáng kiến là giải pháp có tính mới về kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực đã được áp dụng tại cơ sở, có khả năng nhân rộng và được cấp có thẩm quyền công nhận.

5. Năm tròn là số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là “0”.

Thứ 3. Luật Thi đua, khen thưởng 2022, đã bổ sung nguyên tắc “minh bạch” trong thi đua, khen thưởng; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể, hộ gia đình trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh; cá nhân, tập thể công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Đảm bảo bình đẳng giới trong thi đua khen thưởng. Cụ thể.

Điều 5. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Việc thi đua được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Tự nguyện, tự giác, công khai, minh bạch.

b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Việc khen thưởng được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời.

b) Bảo đảm thống nhất giữa hình thức, đối tượng khen thưởng và công trạng,

thành tích đạt được.

c) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó.

d) Chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể, hộ gia đình trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh; cá nhân, tập thể công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Bảo đảm bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

Thứ 4. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bỏ hình thức khen thưởng “Huy hiệu” tại Điều 9.

Điều 9. Hình thức khen thưởng

1. Huân chương.
2. Huy chương.
3. Danh hiệu vinh dự nhà nước.
4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.
5. Kỷ niệm chương.
6. Bằng khen.
7. Giấy khen.

Thứ 5. Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 quy định căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và xét khen thưởng tại Điều 10; Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 tách ra quy định riêng thành 02 điều Điều 7 quy định căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và Điều 10 căn cứ xét khen thưởng. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bỏ căn cứ “Đăng ký tham gia thi đua”. Căn cứ xét khen thưởng sử dụng từ “Thành tích đạt được” thay “phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích”; sử dụng từ “Điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích” thay “trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích”. Cụ thể:

Điều 7. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Phong trào thi đua.
2. Thành tích thi đua.
3. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

Điều 10. Căn cứ xét khen thưởng

1. Thành tích đạt được.
2. Tiêu chuẩn khen thưởng.
3. Điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Thứ 6. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong thi đua, khen thưởng tại Điều 15: cụ thể hành vi:

- Tiêu cực trong công tác thi đua, khen thưởng.
- Sử dụng hiện vật khen thưởng trái thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, tác động xấu đến xã hội.

Điều 15. Hành vi bị nghiêm cấm trong thi đua, khen thưởng

1. Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi

dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi.

2. Cản trở, nhiễu, tiêu cực trong công tác thi đua, khen thưởng.

3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng.

4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trái pháp luật.

5. Sử dụng hiện vật khen thưởng trái thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, tác động xấu đến xã hội.

6. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng trái quy định của pháp luật. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng trái quy định của pháp luật. Cụ thể:

Thứ 7. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 thay đổi cụm từ “thi đua theo đợt” thành “thi đua theo chuyên đề”; bổ sung quy định về phạm vi thi đua “Cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp tổ chức” và thi đua trong “cơ quan, tổ chức, đơn vị” cho phù hợp với công tác tổ chức phong trào thi đua hiện nay. Cụ thể:

Điều 16. Hình thức, phạm vi tổ chức thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua gồm:

a) Thi đua thường xuyên.

b) Thi đua theo chuyên đề.

2. Phạm vi tổ chức thi đua gồm:

a) Toàn quốc.

b) Bộ, ban, ngành, đoàn thể, địa phương.

c) Cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp tổ chức.

d) Cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Thứ 8. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bổ sung và làm rõ điều kiện để tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; thẩm quyền xem xét, công nhận sáng kiến, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại Điều 21.

Điều 21. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong toàn quốc hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

2. Người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Thứ 9. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bổ sung và làm rõ điều kiện để tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh; thẩm quyền xem xét, công nhận sáng kiến, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại Điều 22 để phù hợp với quy định về Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 22. Danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh

1. Danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

b) Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng Công an nhân dân.

2. Người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng Công an nhân dân.

Thứ 10. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” đã sửa đổi: Chiến sĩ thi đua cơ sở Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến được cơ sở công nhận. Cụ thể:

Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003	Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022
Điều 23. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau: 1. Đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”; 2. Có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động.	Điều 23. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây: 1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”. 2. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được đơn vị công nhận.

Thứ 11. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định về danh hiệu “Lao động tiên tiến” tại Điều 24 như sau:

Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003	Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022
Điều 23. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau: a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao; b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua; c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.	Điều 24. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” 1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau đây: a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. b) Có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

Thứ 12. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định về danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” tại Điều 25, được quy định cụ thể, gồm 03 loại như sau:

- Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng hằng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức.

- Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức.

- Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động có thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên khi sơ kết, tổng kết phong trào.

Điều 25. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng hằng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc, hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động có thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên khi sơ kết, tổng kết phong trào.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Thứ 13. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 đã sửa đổi quy định về tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh, được chia thành 02 loại:

- Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức.

- Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ, ban, ngành, tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

Điều 26. Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh

1. Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong Bộ, ban, ngành, tỉnh.

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

2. Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ, ban, ngành, tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

3. Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh.

Thứ 14. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định về danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” tại Điều 27 như sau:

Điều 27. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều này, có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

3. Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”.

Thứ 15. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định về danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” tại Điều 28; trong đó nâng tỷ lệ cá nhân trong

tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” từ có trên 50% lên có ít nhất 70%.

Điều 28. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- b) Tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.
- c) Có ít nhất là 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này, có ít nhất là 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”.

Thứ 16. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bỏ quy định về tặng “Huy hiệu” tại Điều 5. Điều 72 quy định về tặng Kỷ niệm chương: Đã bổ sung quy định rõ ràng, cụ thể hơn về Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Kỷ niệm chương để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Bộ, ban, ngành, tỉnh.

Điều 71. Kỷ niệm chương

1. Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Quốc hội. Tên kỷ niệm chương, đối tượng, tiêu chuẩn tặng kỷ niệm chương do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

2. Kỷ niệm chương để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Bộ, ban, ngành, tỉnh, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương.

Tên kỷ niệm chương, đối tượng và tiêu chuẩn tặng kỷ niệm chương do Bộ, ban, ngành, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương quy định.

3. Tên kỷ niệm chương phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương.

Thứ 17. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 đã bổ sung nhiều quy định về đối tượng, các trường hợp được tặng Bằng khen của Thủ tướng chính phủ; tiêu chuẩn được tặng Bằng khen của Thủ tướng chính phủ trong từng trường hợp cụ thể để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân dễ nghiên cứu, thực hiện, như:

- Sửa tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Thủ tướng chính phủ theo Luật sửa đổi năm 2013: “Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và 5

năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” này sửa thành “Đã được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh và có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” mà danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” theo quy định tại Điều 23 “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được đơn vị công nhận”

- Bổ sung, chỉ rõ đối tượng được tặng:

+ “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

+ “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

+ “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 4 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

+ “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

+ “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam và có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận. Cụ thể

Thứ 18. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 sửa đổi, bổ sung các quy định về đối tượng, tiêu chuẩn tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 74)

Điều 74. Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh

1. Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh phát động.

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh.

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

d) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian

đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

d) Công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

2. Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của Bộ, ban, ngành, địa phương được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

3. Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua.

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh.

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

d) Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

4. Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của Bộ, ban, ngành, địa phương được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

5. Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

6. Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn xét tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý.

II. VỀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ THỪA GIỜ ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO:

1. Yêu cầu: Phân công cân đối việc thực hiện định mức lao động đối với giáo viên. Giải quyết chế độ thừa giờ đúng quy định, lưu ý các trường hợp nghỉ phép theo quy định của pháp luật thì chuyển cho hưởng lương BHXH kịp thời. Không phân công CB, GV, NV làm việc vào ngày nghỉ theo quy định của pháp luật.

2. Các văn bản áp dụng:

2.1. Thông tư số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC, ngày 08 tháng 3 năm 2013 về Hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

Điều 3. Nguyên tắc tính trả tiền lương dạy thêm giờ

- Khoản 2 Điều 3: Định mức **giờ dạy/năm** đối với giáo viên mầm non; định mức tiết dạy/ năm học đối với giáo viên phổ thông; định mức giờ giảng dạy/năm học đối với giáo viên trung cấp chuyên nghiệp; tiêu chuẩn giờ giảng/năm học đối với giáo viên, giảng viên dạy nghề; định mức giờ chuẩn giảng dạy/năm đối với giảng viên cơ sở giáo dục đại học, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được gọi chung là định mức giờ dạy/năm.

Từ khoản 2 Điều 3 cho thấy: Chỉ trả tiền lương dạy thêm giờ cho giáo viên thực hiện vượt định mức **giờ dạy/năm**. Vì vậy, nếu cuối học kỳ I đã thanh toán chế độ thừa giờ cho giáo viên thì cuối học kỳ II phải tính toán lại cho đúng, sao cho thanh toán đúng số tiết thừa trên cơ sở định mức giờ dạy/năm.

Ví dụ: Năm học 2022-2023, cô Nguyễn Thị C là giáo viên THCS được phân công dạy ở học kỳ I là 20 tiết/tuần (Học kỳ I: 19 tuần). Theo chuẩn quy định, giáo viên THCS dạy 19 tiết/tuần, như vậy, cô Nguyễn Thị C đã dạy thừa 19 tiết và được nhà trường thanh toán chế độ thừa giờ đầy đủ.

Sang học kỳ II, cô Nguyễn Thị C được phân công dạy 18 tiết/tuần (Học kỳ II: 18 tuần), như vậy, cô Nguyễn Thị C dạy thiếu chuẩn 18 tiết.

Trường hợp này giải quyết như sau: Trong học kỳ I cô Nguyễn Thị C dạy thừa 19 tiết, học kỳ II dạy thiếu chuẩn 18 tiết. Áp dụng theo định mức **giờ dạy/năm**, cô Nguyễn Thị C chỉ được hưởng thừa giờ 01 tiết ($19-18=1$), nhà trường phải có trách nhiệm truy thu số tiền đã thanh toán ở học kỳ I là 18 tiết.

- Khoản 6 Điều 3:

+ Chỉ thanh toán tiền lương dạy thêm giờ ở đơn vị hoặc bộ môn thiếu số lượng nhà giáo do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đơn vị hoặc bộ môn không thiếu nhà giáo thì chỉ được thanh toán tiền lương dạy thêm giờ khi có nhà giáo **nghỉ ốm, nghỉ thai sản** theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hoặc **đi học tập, bồi dưỡng, tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra** và tham gia những **công việc khác** (sau đây gọi chung là đi làm nhiệm vụ khác) do cấp có thẩm quyền phân công, điều động phải bố trí nhà giáo khác dạy thay.

Từ khoản 6 cho thấy:

- Đơn vị đã được bố trí đủ giáo viên theo tỉ lệ quy định thì không được thanh toán tiền thừa giờ, hiệu trưởng nghiên cứu phân công chuyên môn khoa học.

- Chỉ được thanh toán thừa giờ cho giáo viên dạy thay trong các trường hợp:

+ Dạy thay cho giáo viên **nghỉ ốm, nghỉ thai sản** theo quy định của Luật BHXH.

+ Dạy thay cho giáo viên tham gia **học tập, bồi dưỡng, tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra** và tham gia những **công việc khác** do cấp có thẩm quyền phân công.

Như vậy, dạy thay cho giáo viên nghỉ ngoài các lý do trên thì không được thanh toán tiền thừa giờ.

Thực trạng: Trong thời gian qua, các trường giải quyết chế độ thừa giờ chưa

phân biệt lý do nghỉ của giáo viên. Ví dụ: Giáo viên nghỉ việc riêng như kết hôn, tang tể...được Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp phép, đơn vị giải quyết chế độ thừa giờ cho người dạy thay trong các trường hợp này là sai quy định.

2.2. Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT, ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trường phổ thông, tại Điều 8 quy định như sau:

- Nhà trường có Tổ Tư vấn, hỗ trợ học sinh và bộ trí cán bộ, giáo viên kiêm nhiệm để thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh. Thành phần Tổ Tư vấn, hỗ trợ học sinh gồm: Đại diện lãnh đạo nhà trường làm Tổ trưởng; thành viên là cán bộ, giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn tâm lý, nhân viên y tế trường học, cán bộ, giáo viên phụ trách công tác Đoàn, Đội, đại diện cha mẹ học sinh và một số học sinh là cán bộ lớp, cán bộ Đoàn, Đội.

- Cán bộ, giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn cho học sinh phải là người có kinh nghiệm và được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ tư vấn tâm lý (có chứng chỉ nghiệp vụ tư vấn tâm lý học đường theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành). Giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn tâm lý được hưởng định mức giảm tiết dạy theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Như vậy, chỉ có “**Giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn tâm lý**” được hưởng định mức giảm tiết dạy theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các đối tượng khác không được hưởng định mức giảm tiết dạy theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT, ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ GD-ĐT, quy định như sau:

Điều 5 và điều 6: Định mức lao động của giáo viên trong năm học như sau:

+ Tiểu học: $23 \text{ tiết} \times 35 \text{ tuần} = 805 \text{ tiết}$ (nếu thực hiện trên 805 tiết thì được thanh toán tiền thừa giờ).

+ THCS: $19 \text{ tiết} \times 37 \text{ tuần} = 703 \text{ tiết}$ (nếu thực hiện trên 703 tiết thì được thanh toán tiền thừa giờ).

Điều 8. Chế độ giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm nhiệm các công việc chuyên môn:

1. Giáo viên chủ nhiệm lớp ở cấp tiểu học được giảm 3 tiết/tuần, ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông được giảm 4 tiết/tuần.

2. Giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông dân tộc nội trú cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông được giảm 4 tiết/tuần. Giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường chuyên, **trường bán trú được giảm 4 tiết/tuần**. Giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường, lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật được giảm 3 tiết/tuần.

2a. Giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường dự bị đại học được giảm 3 tiết/tuần.

3. Giáo viên kiêm phụ trách phòng học bộ môn được giảm 3 tiết/môn/tuần.

4. Giáo viên kiêm nhiệm phụ trách công tác văn nghệ, thể dục toàn trường, phụ trách vườn trường, xưởng trường, phòng thiết bị, thư viện (nếu các công tác này chưa có cán bộ chuyên trách) được tính giảm từ 2 - 3 tiết/tuần tùy khối lượng công việc và do hiệu trưởng quyết định.

5. Tổ trưởng bộ môn được giảm 3 tiết/tuần.

5a. Tổ phó chuyên môn được giảm 1 tiết/tuần.

5b. Giáo viên kiêm trưởng phòng chức năng trường dự bị đại học được giảm 3

tiết/tuần; Giáo viên kiêm phó trưởng phòng chức năng trường dự bị đại học được giảm 1 tiết/tuần.

Từ khoản 2 điều này cho thấy: “Giáo viên chủ nhiệm trường bán trú được giảm 4 tiết/tuần”. Tuy nhiên, các trường tiểu học trên địa bàn thị xã Hoà Thành có tổ chức bán trú nhưng không phải là trường bán trú (theo quyết định thành lập trường). Do vậy, giáo viên chủ nhiệm của tất cả các trường tiểu học chỉ **được giảm 3 tiết/tuần**

Điều 9. Chế độ giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm nhiệm công tác Đảng, đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường:

1. Giáo viên kiêm bí thư đảng bộ, bí thư chi bộ (nơi không thành lập đảng bộ) trường hạng I được giảm 4 tiết/tuần, các trường hạng khác được giảm 3 tiết/tuần.

1a. Giáo viên kiêm nhiệm công tác công đoàn thực hiện giảm định mức tiết dạy theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho giáo viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Giáo viên kiêm công tác bí thư đoàn, phó bí thư đoàn cấp trường được hưởng chế độ, chính sách theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.

3. Giáo viên kiêm chủ tịch hội đồng trường, thư ký hội đồng trường được giảm 2 tiết/tuần.

4. Giáo viên kiêm trưởng ban thanh tra nhân dân trường học được giảm 2 tiết/tuần.

5. Để đảm bảo chất lượng giảng dạy và chất lượng công tác, mỗi giáo viên không làm kiêm nhiệm quá 2 chức vụ và được hưởng chế độ **giảm định mức tiết dạy của chức vụ có số tiết giảm cao nhất.**

Ví dụ 1: Năm học 2022-2023, cô Nguyễn Thị A là giáo viên tiểu học được phân công dạy 20 tiết/tuần, làm công tác chủ nhiệm và kiêm nhiệm tổ trưởng chuyên môn.

- Như vậy, số tiết thực hiện trong tuần của cô Nguyễn Thị A là 26 tiết (Dạy học: 20 tiết; Công tác chủ nhiệm: 03 tiết; Tổ trưởng chuyên môn: 03 tiết).

- Trường hợp này không được giải quyết thừa giờ, cô Nguyễn Thị A được giảm định mức tiết dạy của chức vụ có số tiết giảm cao nhất là 03 tiết (Chủ nhiệm lớp, hoặc Tổ trưởng chuyên môn). Về nguyên tắc, cô Nguyễn Thị B mới thực hiện 23 tiết/tuần (Đủ chuẩn quy định, không thừa).

Ví dụ 2: Năm học 2022-2023, cô Nguyễn Thị B là giáo viên tiểu học được phân công dạy 17 tiết /tuần, làm công tác chủ nhiệm và kiêm nhiệm tổ trưởng chuyên môn.

- Như vậy, số tiết thực hiện trong tuần của cô Nguyễn Thị B là 23 tiết (Dạy học: 17 tiết; Công tác chủ nhiệm: 03 tiết; Tổ trưởng chuyên môn: 03 tiết).

- Trường hợp này là phân công chưa đảm bảo định mức tiết dạy/tuần. Cô Nguyễn Thị B chỉ được giảm định mức tiết dạy của chức vụ có số tiết giảm cao nhất là 03 tiết (Chủ nhiệm lớp hoặc Tổ trưởng chuyên môn). Về nguyên tắc, cô Nguyễn Thị B mới thực hiện 20 tiết/tuần (Thiếu chuẩn 03 tiết).

2.4. Công văn số 3600/SGDDĐT-KHTC, ngày 26/10/2021 của Sở GDĐT Tây Ninh quy định như sau:

Mục 1. Nguyên tắc tính trả tiền lương dạy thêm giờ:

- Đảm bảo định mức giờ dạy/năm.

- Việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí tiền lương dạy thêm giờ thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước. Cơ sở giáo dục công lập quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư liên tịch 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC, căn cứ điều kiện cụ thể của từng đơn vị để thực hiện thanh toán hoặc tạm ứng tiền lương dạy thêm giờ theo tháng hoặc học kỳ cho phù hợp.

Mục 2. Để đảm bảo chất lượng giảng dạy và chất lượng công tác, mỗi giáo viên không làm kiêm nhiệm quá 2 “chức vụ” hoặc “chức danh” và **được hưởng chế độ giảm định mức tiết dạy của chức vụ có số tiết giảm cao nhất.**

Mục 4. Từ năm học 2021-2022 thực hiện thanh toán tiền dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập theo học kỳ.

Từ đó cho thấy, Sở GDĐT khẳng định 02 nội dung sau:

- Nguyên tắc tính trả tiền lương dạy thêm giờ đảm bảo định mức giờ dạy/năm.

- Giáo viên không làm kiêm nhiệm quá 2 “chức vụ” hoặc “chức danh” và **được hưởng chế độ giảm định mức tiết dạy của chức vụ có số tiết giảm cao nhất**, không phân biệt giáo viên kiêm nhiệm theo Điều 8 hay Điều 9 của văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT, ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ GDĐT.

2.5. Thông tư 08/2016/TT/BGDĐT, ngày 28/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định như sau:

Điều 3. Chế độ giảm định mức tiết dạy, giờ dạy

1. Giáo viên trường mầm non

a) Giáo viên làm chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn cơ sở không chuyên trách được giảm 06 giờ dạy trong một tuần (quy ra 210 giờ dạy trong một năm học);

b) Giáo viên làm ủy viên ban chấp hành công đoàn; tổ trưởng, tổ phó công đoàn không chuyên trách được giảm 03 giờ dạy trong một tuần (quy ra 105 giờ dạy trong một năm học).

2. Giáo viên trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên biệt, trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh

a) Giáo viên làm chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn cơ sở không chuyên trách trường tiểu học, trường chuyên biệt cấp tiểu học được giảm 04 giờ dạy trong một tuần (quy ra 140 giờ dạy trong một năm học); Trường trung học cơ sở, trường chuyên biệt cấp trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường chuyên biệt cấp trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh được giảm 03 giờ dạy trong một tuần (quy ra 105 giờ dạy trong một năm học);

b) Giáo viên làm ủy viên ban chấp hành công đoàn, tổ trưởng, tổ phó công đoàn không chuyên trách trường tiểu học, trường chuyên biệt cấp tiểu học được giảm 02 giờ dạy trong một tuần (quy ra 70 giờ dạy trong một năm học); Trường trung học cơ sở, trường chuyên biệt cấp trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường chuyên biệt cấp trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên,

trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh được giảm 01 giờ dạy trong một tuần (quy ra 35 giờ dạy trong một năm học);

c) Đối với trường phổ thông **có nhiều cấp học**, định mức giảm giờ dạy cho giáo viên làm công tác công đoàn không chuyên trách được tính theo định mức giảm giờ dạy cao nhất đã quy định cho mỗi cấp học.

(Trường TH và THCS Trung Vương áp dụng khoản C điều này)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Khoản 2. Giáo viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách nếu kiêm nhiệm thêm các chức vụ khác cũng sử dụng chế độ giảm định mức giờ dạy thì chỉ được hưởng một chế độ giảm định mức giờ dạy cao nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CẦN TIẾP TỤC QUAN TÂM CHÁNH CHỈNH:

1. Thực hiện chế độ báo cáo đúng thời gian quy định, trình bày văn bản đúng thể thức theo Nghị định 30 của Chính phủ.

2. Đảm bảo trường học an toàn, lành mạnh; báo cáo kịp thời về Phòng Giáo dục và Đào tạo các vụ việc gây mất an ninh, an toàn trong nhà trường, bạo lực học đường, các vụ việc CB-GV-NV và học sinh vi phạm pháp luật, các đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Thực hiện nghiêm Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/ 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Các đơn vị xây dựng Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công khai theo biểu mẫu hướng dẫn của các văn bản này đầy đủ, đúng thời gian quy định).

4. Công tác quản lý tài chính, tài sản:

- Thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của cấp trên trong công tác quản lý tài chính, tài sản; không được lạm thu, không thu tiền học sinh trái quy định.

- Kinh phí hoạt động Ban Đại diện Cha mẹ học sinh: Đơn vị nào quy định mức thu bình quân, thu cùng định mức thì trả tiền lại cho Cha mẹ học sinh.

- Kinh phí Hội Khuyến học:

Điều 20: Điều lệ Hội Khuyến học Việt Nam quy định tài chính của Hội gồm 04 khoản thu như sau:

Hội phí của hội viên.

Thu từ các hoạt động sự nghiệp dịch vụ, sản xuất, kinh doanh của Hội.

Kinh phí được cấp khi tham gia cùng cơ quan Nhà nước thực hiện các chương trình, dự án phát triển giáo dục.

Tài trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

(Đơn vị nào thực hiện chưa đúng thì trả tiền lại cho Cha mẹ học sinh)

5. Về thực hiện Luật Tố cáo: Hiệu trưởng các đơn vị phải xác định đúng thẩm quyền giải quyết tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Khoản 1, Điều 12 Luật Tố cáo: Nguyên tắc xác định thẩm quyền

- Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức đó giải quyết.

- Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức đó giải quyết.

Như vậy, giáo viên, nhân viên bị tố cáo thì thẩm quyền giải quyết thuộc **hiệu trưởng đơn vị**. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng bị tố cáo thì thẩm quyền giải quyết thuộc **Phòng Giáo dục và Đào tạo**.

Điều 22 Luật Tố cáo: Hình thức tố cáo

Việc tố cáo được thực hiện bằng đơn hoặc được trình bày trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

BỘ PHẬN KIỂM TRA PGDĐT

Tài liệu này có điều chỉnh so với tài liệu trước đây.

Tài liệu này gửi cho tất cả các đối tượng tham dự cuộc họp ngày mai 12/9/2023.